

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **567**/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **04** tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2024 theo Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 684-QĐ/TU ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tỉnh ủy Yên Bái về việc ủy quyền cho Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với việc phân bổ, phê duyệt, cấp kinh phí một số chính sách, chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024; Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 106/TTr-SNV ngày 12 tháng 3 năm 2024; đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 95/TTr-STC ngày 22 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2024 theo Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Tổng kinh phí hỗ trợ năm 2024 là 1.302.000.000 đồng (*Một tỷ, ba trăm linh hai triệu đồng*).

(*Chi tiết theo Phụ lục đính kèm*)


2. Nguồn kinh phí: Sử dụng từ nguồn kinh phí thực hiện chính sách chuyển đổi số theo Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND được giao tại Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.


Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính cấp kinh phí cho đơn vị, địa phương theo quy định.
2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích, đúng chế độ, chặt chẽ, tiết kiệm và thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Kho bạc Nhà nước Yên Bái, các đơn vị, địa phương có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Phó CVP UBND tỉnh (NC);
- Lưu: VT, NC, TKTH, TC. 

CHỦ TỊCH



Trần Huy Tuấn

Phụ lục:
**KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
 CHUYÊN ĐỔI SỐ TRONG CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024 THEO
 NGHỊ QUYẾT 60/2022/NQ-HĐND CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số **567**/QĐ-UBND ngày **04** tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Đơn vị: Đồng

STT	Đơn vị, địa phương	Kinh phí
1	2	3
	Tổng cộng:	<u>1.302.000.000</u>
I	Đối tượng theo điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 60/2022/NQ-HĐND	324.000.000
1	Văn phòng Tỉnh ủy	78.000.000
2	Sở Thông tin và Truyền thông	246.000.000
II	Đối tượng theo điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 60/2022/NQ-HĐND	534.000.000
1	Sở Tài chính	18.000.000
2	Sở Văn hoá, Thể Thao và Du lịch	18.000.000
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	24.000.000
4	Ban Dân tộc	18.000.000
5	Sở Tư pháp	18.000.000
6	Thanh tra tỉnh	18.000.000
7	Ban Quản lý các khu Công nghiệp tỉnh	18.000.000
8	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	18.000.000
9	Sở Công Thương	18.000.000
10	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	18.000.000
11	Ban Nội chính Tỉnh ủy	18.000.000
12	Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái	72.000.000
13	Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên	42.000.000
14	Ủy ban nhân dân Thị xã Nghĩa Lộ	36.000.000
15	Ủy ban nhân dân huyện Mù Cang Chải	18.000.000
16	Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình	54.000.000
17	Ủy ban nhân dân huyện Văn Yên	66.000.000
18	Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn	30.000.000
19	Ủy ban nhân dân huyện Lục Yên	12.000.000

STT	Đơn vị, địa phương	Kinh phí
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
III	Đối tượng theo điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 60/2022/NQ-HĐND	444.000.000
1	Trung tâm Chuyển đổi số	252.000.000
2	Trung tâm Điều hành thông minh	192.000.000